

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Minh

Ông Đỗ Trung Tuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quảng, Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/7/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1992

Trú tại: Thôn V, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Thiên H, sinh năm 1980

Trú tại: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 09/7/2018 và bản tự khai ngày 02/8/2018 tại phiên tòa thì nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày: Chị và anh Đỗ Thiên H lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P ngày 10/01/2011. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung cùng gia đình bố mẹ anh H, được khoảng một tháng thì ra ở riêng tại nhà của em chồng ở P, L, Quảng Bình, sau đó được khoảng 02 tháng thì chị về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống cho đến nay, trong quá trình chung sống do do điều kiện kinh tế khó khăn, anh H không quan tâm đến cuộc sống của vợ con nên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cãi vã lẫn nhau, anh H có quan hệ bất chính với người khác, chị đã khuyên nhủ nhiều

lần nhưng không được, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh Đỗ Thiên H.

Về quan hệ con cái: Chị và anh Hòa có 02 đứa con chung là Đỗ Thế H, sinh ngày 29/9/2011 và Đỗ Thiên H, sinh ngày 13/11/2013. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con Đỗ Thiên H và giao cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Đỗ Thế H cho đến khi con trưởng thành. Không ai phải có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi con cho ai.

Về quan hệ tài sản: Năm 2018 vợ chồng chị có mua một chiếc xe máy hiệu YAMAHA Sirius BKS 73H1 – 360.82 tại cửa hàng xe máy H H (ở chợ t) với giá 25.000.000đ, theo hình thức trả góp, khi mua đăng ký tên của chị, hiện nay đã trả 12.200.000đ, số tiền còn nợ là 12.800.000đ, chiếc xe này hiện nay anh H đang quản lý sử dụng, chiếc xe này trị giá hiện tại là 7.000.000đ. Vì vậy sau khi ly hôn chị có nguyện vọng giao chiếc xe máy này cho anh H được quyền sở hữu và sử dụng, đồng thời anh H phải có nghĩa vụ trả hết số nợ còn lại cho cửa hàng xe máy H H.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản Hòa giải ngày 17/8/2018, tại phiên tòa thì anh Đỗ Thiên H trình bày: Anh và chị T lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình ngày 10/01/2011, sau khi cưới anh chị sống chung cùng gia đình bố mẹ anh, được khoảng một tháng thì ra ở riêng tại nhà của em trai anh ở P, L, Quảng Bình, sau đó được khoảng 02 tháng thì chị T về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống cho đến nay, trong quá trình chung sống do điều kiện kinh tế khó khăn nên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cãi vã lẫn nhau, còn việc chị T cho rằng anh ngoại tình là không có. Tuy nhiên, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị T xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về quan hệ con cái: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 đứa con chung là Đỗ Thế H, sinh ngày 29/9/2011 và Đỗ Thiên H, sinh ngày 13/11/2013. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con Đỗ Thiên H và giao cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Đỗ Thế H cho đến khi con trưởng thành và không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai thì anh cũng nhất trí.

Về quan hệ tài sản: Năm 2018 vợ chồng anh chị có mua một chiếc xe máy hiệu Sirius tại cửa hàng xe máy H H (ở chợ t) với giá 25.000.000đ, theo hình thức trả góp, khi mua đăng ký tên của chị T, hiện nay đã trả 12.200.000đ, số tiền còn nợ là 12.800.000đ, chiếc xe này hiện nay anh đã cầm cố lấy 7.000.000đ để sử dụng mục đích cá nhân, theo anh trị giá hiện tại của chiếc xe là 7.000.000đ. Anh yêu cầu chị T đưa tiền để anh lấy xe, sau đó giao cho chị T được quyền sở hữu và sử dụng đồng thời chị T phải có trách nhiệm trả nợ cho cửa hàng xe máy H H số tiền 12.800.000đ (Tiền nợ mua xe).

Tại Tòa án anh Nguyễn Văn H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Chủ cửa hàng xe máy H H) cho rằng: Vợ chồng anh H, chị T có mua tại cửa hàng của anh (Cửa hàng xe máy H H) 01 xe máy hiệu YAMAHA sirius trị giá 25.000.000đ theo hình thức trả góp và đã trả được 12.200.000đ, số tiền còn nợ là 12.800.000đ chưa trả. Nếu Tòa án giải quyết cho anh H chị T ly hôn nhau thì đề nghị Tòa án giao cho một người trả để cửa hàng có điều kiện thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng không mang lại kết quả, chị T mong muốn xin ly hôn, anh H đồng ý.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Thiên H và chị Dương Thị T lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2011 tại UBND xã P là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vì do vợ chồng không hợp tính tình và do kinh tế khó khăn nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vì vậy chị T xin ly hôn anh H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đem lại kết quả, chị T xin ly hôn, anh H đồng ý. Vì vậy, cần xử cho chị T và anh H được ly hôn nhau là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh H có 02 đứa con chung là Đỗ Thế H, sinh ngày 29/9/2011 và Đỗ Thiên H, sinh ngày 13/11/2013. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con Đỗ Thiên H và giao cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Đỗ Thế H cho đến khi con trưởng thành. Không ai phải có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi con cho ai. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị T là có căn cứ và cũng phù hợp với ý kiến của anh H.

[3] Về quan hệ tài sản: Anh H và chị T trình bày năm 2018 vợ chồng anh chị có mua một chiếc xe máy hiệu YAMAHA Sirius BKS 73H1 – 360.82 tại cửa hàng xe máy H H (ở chợ t) với giá 25.000.000đ, theo hình thức trả góp, khi mua đăng ký tên của chị Thúy, hiện nay đã trả 12.200.000đ, số tiền còn nợ là 12.800.000đ, chiếc xe này hiện nay anh H đang quản lý sử dụng, anh chị thống nhất giá trị hiện tại của chiếc xe là 7.000.000đ. Vì vậy, cần giao chiếc xe máy này cho anh H được quyền sở hữu và sử dụng là phù hợp, đồng thời anh H phải có nghĩa vụ trả nợ cho cửa hàng xe máy H H ở chợ t số tiền 12.800.000đ.

[4] Về án phí ly hôn: Chị Dương Thị T phải chịu theo luật định.

[5] Về án phí chia tài sản: anh H phải chịu 990.000đ.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, xử cho chị Dương Thị T và anh Đỗ Thiên H được ly hôn nhau.

2/ Về con chung: Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con Đỗ Thiên H, sinh ngày 13/11/2013; giao cho anh H trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng con Đỗ Thế H, sinh ngày 29/9/2011 cho đến khi các con trưởng thành và không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Anh Hòa, chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

2/ Về quan hệ tài sản: Áp dụng Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cho anh H được quyền sở hữu và sử dụng một chiếc xe máy hiệu YAMAHA Sirius BKS 73H1 – 360.82, đăng ký tên Dương Thị T có trị giá 7.000.000đ, đồng thời anh H phải có nghĩa vụ trả nợ cho cửa hàng xe máy H H ở chợ t số tiền 12.800.000đ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/ Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số AA/2017/0001805 ngày 13/7/2018(Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn); anh Đỗ Thiên H phải chịu 990.000đ án phí chia tài sản.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Toạ phiên toà

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- UBND xã P;
- Lưu HS vụ án, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dương